

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 33/2021/DS-ST

Ngày 14/5/2021

V/v “*Kiện đòi tiền*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị T Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Tm gia phiên tòa:*** Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “*Kiện đòi tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 30/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 22/4/2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã T, huyện L, tỉnh B.

\* Bị đơn: Chị Nguyễn Lệ T, sinh năm 1993

HKTT: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh B.

(Chị T có đơn đề nghị vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Chị Hoàng Thị T trình bày:*

Chị và chị Nguyễn Lệ T, sinh năm 1993, HKTT: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh B có mối quan hệ quen biết từ trước, năm 2019 chị T có đặt mua ván gỗ ép của chị, các lần mua bán trước đều Tnh toán tiền đầy đủ. Khoảng tháng 2 năm 2020, chị T đặt mua 03 mã ván ép với tổng số tiền là 139.050.000 đồng, cụ thể: ngày 18/02/2020 (âm lịch) mua 02 mã với số tiền 56.400.000 đồng; ngày 24/02/2020 (âm lịch) mua 01 mã với số tiền 82.560.000 đồng, sau khi đặt mua và nhận hàng xong, chị T còn nợ tiền nên chị đòi nhiều lần thì tháng 5/2020 (âm lịch) chị T trả chị được 10.000.000 đồng. Sau này chị xuống nhà chị T ở tổ

dân phố H, phường T, thành phố B đòi nhiều lần nhưng chị T không trả thêm được đồng nào, nên chị T đã viết giấy nhận nợ tiền hàng cho chị với số tiền 129.050.000 đồng hẹn ngày 29/6/2020 sẽ trả, thời gian sau chị tiếp tục đòi tiền thì chị T chỉ trả được thêm 3.000.000 đồng. Từ đó đến nay chị T không trả thêm đồng nào nữa, chị đã tìm gặp chị T nhưng không gặp được. Nay chị xác định việc mua bán hàng giữa chị và chị T đã dứt điểm, chỉ còn việc chị T nợ chị tiền 126.050.000 đồng theo Giấy nhận nợ tiền hàng chị T đã viết cho chị, nên chị đề nghị Tòa án buộc cá nhân chị T phải trả chị số tiền 126.050.000 đồng. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Đối với địa chỉ của chị T, chị xác định chị T có hộ khẩu và địa chỉ nơi ở tại tổ dân phố H, phường T, thành phố B, khi giao dịch với chị thì T vẫn ở địa chỉ này, sau này chị T đi đâu ở không báo cho chị biết và cũng không trả tiền chị. Chị đề nghị Tòa án căn cứ địa chỉ theo hộ khẩu thường trú của chị T để giải quyết vụ án.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn được Tòa án tổng đạt triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm gì về nội dung vụ án.*

Tại phiên tòa: Chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là không tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị T. Buộc chị Nguyễn Lệ T có nghĩa vụ trả chị Hoàng Thị T số tiền 126.050.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Đề nghị tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Hoàn trả chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc chị Nguyễn Lệ T phải chịu 6.302.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Hoàng Thị T và chị Nguyễn Lệ T là quan hệ dân sự đòi tiền giữa cá nhân với cá nhân liên quan đến giao dịch dân sự mua bán, bị đơn có địa chỉ tại thành phố B; các bên không tự giải quyết được

tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án Tộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn vắng mặt, nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền vay của nguyên đơn:

Theo tài liệu là Giấy nhận nợ tiền hàng mà chị T cung cấp với nội dung ghi Nguyễn Lệ T nợ tiền hàng chị Hoàng Thị T 129.050.000 đồng, chị T xác định Giấy này do chị T Viết và ký tên, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không đến Tòa án làm việc và có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị T, do đó Giấy nhận nợ tiền hàng do chị T chung cấp được xác định là chứng cứ hợp pháp, theo nội dung giấy này xác định được việc hai bên có giao dịch mua bán hàng gỗ nhưng đã giao dịch mua bán đã kết thúc, hai bên kết thúc việc mua bán bằng Giấy nhận nợ tiền hàng do chị T viết nên có đủ cơ sở xác định chị T còn nợ chị T 129.050.000 đồng. Tuy nhiên, khi khởi kiện chị T xác định sau khi viết giấy nhận nợ tiền hàng thì chị T đã trả được thêm 3.000.000 đồng và chỉ khởi kiện đòi chị T số tiền 126.050.000 đồng, nên cần buộc chị T phải trả cho chị T số tiền còn nợ là 126.050.000 đồng

Đối với khoản nợ trên, chị T xác định đây là giao dịch cá nhân giữa chị T và chị T, chị T chỉ khởi kiện cá nhân chị T nên chỉ cần buộc cá nhân chị T trả nợ cho chị T số tiền còn nợ như trên là đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

[2.2] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự không thỏa Tận được nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 280, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hoàng Thị T. Buộc chị Nguyễn Lệ T có nghĩa vụ trả chị Hoàng Thị T số tiền 126.050.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Hoàn trả chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí 3.151.000 đồng đã nộp theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001806 ngày 12/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Buộc chị Nguyễn Lệ T phải chịu 6.302.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND T. B;
- VKSND T. B
- VKS TP B,
- CCT dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Mạnh Thắng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

